

Mệnh lý Bắc Phái Mạnh nhân

1. Thập can dễ đoán

1, Người sinh **Giáp mộc** rất thông minh,
Mưu thâm lo xa là anh hùng,
Ngũ hồ tứ hải giao bằng hữu,
Trượng nghĩa khinh tài có thanh danh,
Là bạn có bỏ vàng ngọc tốt,
Cầm dao bên sườn không sợ đau,
Người khác nếu có chuyện gì khó,
Đã bỏ làm người cũng sẵn lòng.

2, Người sinh **Ất mộc** rất ngay thẳng,
Tâm thực thấy cảnh có tâm tư,
Hôm nay uống hấn một chén rượu,
Không đến ngày mai đáp lễ liền.
Là người làm việc nhiều công đạo,
Đến từ tiện nghi sẽ không chiếm,
Thông tình đạt lý tôn nhường quý,
Có nhẫn có nhường tâm rất hiền.

3, Người sinh **Bính hỏa** tâm rất kiên,
Trong tâm có nói không che đậy,
Có một câu lại nói một câu,
Tâm thực không sợ người làm hại,
Làm việc vì công nhiều công đạo,
Thông tình đạt lý thương lượng tốt,
Người khác có chút chuyện khốn khó,
Trăm phương nghìn kế trợ giúp người.

4, Người sinh **Đinh hỏa** tâm tính gấp,

Trong tâm có nói ngày trước mặt,
Tính khí lại sánh như mãnh hổ.
Tính tình phát ra không nghĩ ngại,
Tâm thẳng miệng nhanh không có lợi,
E rằng tai họa ở đằng sau,
Là người trước đây khá vui vẻ,
Bất bình làm hung đứng hàng đầu.

5, Người sinh Mậu thổ không hồi chuyển,
Một con đường đi chạy đến tối,
Ý có người không lao vào bạn,
Lời không vừa ý lông mày cau,
Có người nếu theo tâm ý bạn,
Không may khiến người cần nhiều việc,
Nghìn ngày qua lại vạ ngày tốt,
Một ngày vô tình như quét tro.

6, Người sinh Kỷ thổ chủ nhiều tài,
Thả ra ghi mất nếu không đến,
Ở nhà phát xuống ngày đại hận,
Thấy mặt phát sinh nghĩ không ra,
Nói ra vài câu thuận tâm tình,
Tâm hiền êm mặt bạn quay lại,
Bất luận bản thân không qua được,
Hảo tâm từ thiện buồn trong lòng.

7, Người sinh Canh kim tính tình yếu,
Cả đời không tốt sợ thỉnh cầu.
Thấy có người nhà có tai nạn,
Người nhà rơi lệ tâm bạn đau,
Bạn đãi người nhà một chậu lửa,
Người nhà đãi bạn mùa đông hàn.
Thường xuyên bạn lại luôn mắc bẫy,
Người nhà làm việc bạn xài tiền.

8, Người sinh **Tân kim** là người tốt,
Xã giao bằng hữu thành một đàn,
Quân tử tiểu nhân thường ở trong,
Thật dài không rời nhà của bạn,
Kết giao quân tử dày càng dày,
Giao đến giao đi báo ơn bạn,
Kết giao tiểu nhân vô tình nghĩa,
Ngày sau lừa bạn phải đắn đo.

9, Người sinh **Nhâm thủy** tâm rất thực,
Là người không muốn chiếm tiện nghi,
Uống người khác một vài ly rượu.
Không đến ngày mai lại báo ơn,
Bạn đãi người nhà muôn vàn tốt,
Người nhà đãi bạn vốn là hư,
Ngày sau có chuyện bạn cân nhắc,
Mưu tình sâu xa vốn là nên.

10, Người sinh **Quý thủy** công tâm nhất,
Người khác có khổ bạn thương tình,
Bạn có hảo tâm vốn là hư,
Ân nhân vô nghĩa không có công,
Thực tâm đãi người nhận bạc đãi,
Trúc xanh nghịch nước công dã tràng,
Ngày sau xứ người nên cẩn trọng,
Không nên sơ ý cần nhớ rõ.

II. Thập đoán Tài Quan

1, Tỉ kiên:
Năm Tỉ cô lập hoặc dưỡng tử (con nuôi),
Trên tháng không Quan tính bó chân,
Chi ngày khắc phu nữ khắc tử,
Chi giờ Tỉ Dương Nhận tử tôn,
Can chi đều Tỉ thân hai nhà,
Tọa tử mộ tuyệt phân huynh đệ,

Tỉ nhiều hợp Quan bị cướp chồng,
Dương Nhận xung phá họa lâm lâm.

2, Kiếp tài:

Năm Kiếp theo phù anh em có,
Trên tháng không Tài tự tôn nghiêm,
Chi ngày chậm hôn hoặc tái thú,
Trên giờ Thương quan cướp giết con,
Kiếp Thương đồng trụ hay đánh bạc,
Kiếp Thiên trụ thủ vẫn ở Khôn,
Can chi là Kiếp cha sớm mất,
Kiếp Thương Nhận trụ liền ngục tù.

3, Thương quan:

Thương quan trên năm hại tổ nghiệp,
Thương quan trên tháng vợ chồng sụp,
Chi ngày khắc phu nam khắc tử,
Giờ Thương hơn nửa con cháu hung,
Tọa Dương Nhận là sao làm nô tì (mệnh nữ),
Thương tọa Thất Sát sinh phong ba,
Thiên Ấn khắc phu không cô tử,
Thương tọa Dương Nhận ở ác hung.

4, Thực thần:

Thực thần tổ nghiệp bình an phúc,
Tháng Thực chi Quan chủ làm quan,
Ngày Thực ôn hòa nhiều y lộc,
Giờ Thực phúc muộn giao con cháu,
Kiếp Thiên Ấn đoạt người yếu thọ,
Thực Ấn đồng trụ ném Không vong,
Thực thần bốn vị nữ phong trần,
Thực thần tọa mộ người yếu vong.

5, Chính Ấn:

Năm Ấn phú quý có công danh,
Tháng Ấn nhân từ thanh văn chương,

Ngày Ấn ngẫu tốt tính đôn hậu,
Giờ Ấn tử tôn rất hiếu hiền,
Ấn tọa Hoa Cái, mẫu cô hành,
Thiên Ất quý đồng mẫu ôn tình,
Dương Nhận tính liệt mẹ tàn tật,
Nữ mệnh Ấn nhiều hại phu tinh.
Toàn cục là Ấn già hại con,
Ấn Ấn cùng Thương đồng ni cô.

6, Thiên Ấn:

Năm tọa dưỡng cung gặp kế mẫu,
Trên tháng Thiên Ấn thân nghệ cường,
Nhật Thiên nam nữ ngẫu không tốt.
Trụ giờ Thiên Ấn tử tôn hưng.
Thiên Ấn Thai cách ly mẹ đẻ,
Suy Bệnh Tử Tuyệt ứng một nửa,
Nữ mệnh Ấn nhiều già hại con,
Ấn nhiều thân liền gặp quả cô.

7, Chính Quan:

Năm Quan học nghiệp tháng tiểu đệ (không phải con trưởng)
Trên ngày vợ hiền đầy hiếu thuận,
Nhiều cung Quan vận nên có họa,
Tài phú Mã dời hôn vong biến,
Thực nhiều có Ấn sâu Tài vận,
Quan tọa mộc đục đường phong lưu,
Nhiều Ấn nhiều Quan không Tài vận,
Ba lần hình phu vợ khóc chồng.

8, Thiên Quan:

Năm không trưởng tử nhà bản hàn,
Tháng mang Dương Nhận cháu khó đủ,
Trên ngày bày ra đầy cháu con,
Mang đến trên giờ quý tử hiền,
Sát Khôi Ấn tình quyền vũ chức.
Nữ Sát Không vong sát duyên chồng.

Chính Thiên đồng trụ Tỉ kiên có,
Chị em khó tránh liền một chồng,
Một Sát một Ấn nói thân vượng,
Sát cách Quan vận chân kiếp nạn.

9, Thiên Tài:

Trên năm Thiên Tài cao phúc lộc,
Trên tháng Thiên Tài quyền cha cường,
Ngày tọa Tướng tinh nữ giàu có,
Chi giờ Tỉ Kiếp phá điền trang,
Can chi Thiên Tài cuồng tửu sắc,
Thiên Tài phùng Không sớm mất cha,
Thất Sát phiêu bạc nơi đất khách,
Chỉ sợ hình xung cha tổn thương.

10, Chính Tài:

Trên năm Chính Tài tổ nghiệp phú,
Tháng Tài cha mẹ đều thịnh vượng,
Ngày tọa Tướng tinh nữ giàu có,
Thời thượng Chính Tài hại cháu con,
Gặp hình xung Không mang cả đời,
Dịch Mã thê năng cái cô trượng,
Quý nhân đẹp Ấn tinh không mộ,
Quan Sát, Tài vượng vợ ép chồng.

III. Kim bất hoán đoán mệnh

Tý Ngọ vô biên như biển sâu,
Khởi đầu mệnh chủ xem dụng thần,
Lấy năm làm căn đoán sản nghiệp,
Nguyệt lệnh là mằm đoán song thân,
Nhật chủ vượng tướng cùng phê đoán,
Ngày đoán Thê Tài can đoán thân,
Trụ ngày vượng tướng thân cao thọ,
Chi vượng thê tài không tổn thân,
Trụ giờ vượng tướng nhiều con cái,

Triển vọng có con hiền kỳ tài,
Muốn chiếm vượng tướng muôn văn đẹp,
Hình xung phá hại uổng phí công.

Nhật chủ Giáp Ất kỵ Canh Tân,
Lại gặp Thân Dậu chủ cô bản,
Vận hành Tây phương gặp khắc hại.
Phải Kim trùng điệp tổn bản thân,
Tối hỷ Nhâm Quý đến sinh trợ,
Lại gặp Hợi Tý là quý nhân,
Vận hành bắc phương đắc thủy địa,
Giống như Lý Ngư nhảy Long môn,

Nhật chủ Bính Đinh Nhâm Quý hại,
Lại gặp Hợi Tý càng bất lương,
Ở đất bắc phương vận không thuận,
Phải thủy khắc thân nhiều tổn thương,
Giáp Ất sinh phù mới có cứu,
Trọng kiến Dần Mão càng hưng thông,
Vận hành đất Chấn thân vinh quý,
Tốt là ngày âm lập khắc quang.

Nhật chủ Mậu Kỷ gặp Giáp Ất,
Trọng kiến Dần Mão rất không cát,
Vận hành Đông phương lại gặp mộc,
Tai họa giao gia tất đến xâm.
Tối hỷ Bính Đinh sinh Mậu Kỷ.
Trọng kiến Tị Ngọ là đứng đầu,
Vận hành Nam phương lại gặp hỏa,
Khốn Long đắc thủy thì có cát.

Nhật chủ Canh Tân kỵ Bính Đinh,
Trọng kiến Tị Ngọ thân không yên,
Vận hành Nam chủ lại thấy hỏa,
Thân nhược lúc suy công dã tràng.
Tối hỷ bầy thổ đến sinh trợ,
Lại gặp Mậu Kỷ bản thân hưng,

Vận hành thổ Quan nhiều đắc lực,
Đẳng đi đến ngọt phúc lộc tường.

Nhật chủ Nhâm Quý Mậu Kỷ hại,
Thìn Tuất Sửu Mùi rất bất lương,
Vận hành chữ thổ nhiều nguy hiểm,
Bày thổ khắc thân có một thương.
Tối hỷ Canh Tân đến sinh trợ,
Thân Dậu tụ hợp là hưng long,
Vận hành kim địa thân có thọ,
Đến già không bần có phúc hưởng,
Khởi lộc nhật chủ là ở thân.

Sinh khắc chế hóa lý diện tồn,
Ấn thụ sinh can thân vượng tướng,
Trong mệnh không Sát quý khó lâm,
Ấn thụ thái quá thân phiêu đẳng.
Sát phải khắc thân là kỵ thần,
Sát nhiều tối hỷ Thực thần chế,
Chế nhiều thái quá lại cô bản.
Ấn nhiều tối hỷ Tài tinh phá,
Ấn thiếu Tài nhiều chủ hại thân,
Địa chi ám tàng là tác dụng,
Khử lưu bỏ phối tử tế phân.

IV. Thời thần đoán mệnh:

(Một) Tý Ngọ Mão Dậu (giờ người sinh ra)

Đầu giờ cha chết trước, cuối giờ mẹ chết trước.

Ca quyết:

Tý Ngọ Mão Dậu bốn giờ cao,
Là người thanh tú tựa anh hào,
Đa số anh em không làm bạn,
Một đôi cha mẹ cũng không chiều,

Đầu giờ cuối giờ không nương tựa,

Ở giữa giờ Tý giàu có nhiều,
Tài lộc vinh hoa tự cần tới,
Danh vị thông thiên đặc thể cao.

(Hai) Dần Thân Tị Hợi (giờ người sinh)

Ca quyết:

Dần Thân Tị Hợi bốn giờ trượng,
Là người thông minh trình văn chương,
Đúng giờ anh em bốn năm người,
Đầu giờ cuối giờ cũng thành đôi,

Cha mẹ anh em không nương tựa,
Tự nhiên cao phúc sinh hoa đường,
Nếu là thiên nhiên thêm quý khí,
Nhất thời vinh hoa đại cát xương.

(Ba) Thìn Tuất Sửu Mùi (giờ sinh người)

Ca quyết:

Thìn Tuất Sửu Mùi bốn giờ cô,
Đừng ngại cha mẹ ít thân yêu,
Đúng giờ đa số cha mất trước,
Đầu giờ cuối giờ mẹ sớm đi,

Anh em càng là không nương tựa,
Tổ nghiệp không lấy bị làm nhục,
Đúng sau làm quan sai khiến thân,
Nam làm tăng đạo nữ thì cô.

V. Đoán Tài Quan:

1, Kiến Lộc chủ Mã mộc phùng xuân,
Hạ hỏa Thu kim đông thủy lâm,
Tứ trụ Tài Quan thân phải vượng,
Dù có thần sát không chịu bần,
Ngại giờ Tý bị Quan đến thân,
Không hợp Dịch Mã dịch cung môn,

Thủy Yến thanh quý không bằng Khảm,
Trượng phu khắc thê thiếu tử tôn.

2, Thương quan Dương Nhận phải tương sinh,
Chính Quan thấy nhiều tất nhiên hung,
Thương quan có chế tất có khí,
Hình xung phá hại một khoảng không,
Kỵ Quan Quan vượng sợ Quan xung,
Thương quan thương tận quý vô cùng,
Quan tinh không bản gặp Tài tinh,
Vận dậm đường dài hoàn toàn thanh.

3, Thực thần hỷ Kiếp sợ phùng Kiêu,
Trụ rõ Thiên Quan bước Kim Long.
Thấy hỏa Thiên Ấn là chủ bệnh,
Xung phá Ấn thụ phúc thọ suy,
Lại kỵ tử tuyệt sợ gặp Kiêu,
Hình xung thấy nhiều họa phải nhiều,
Thực thần hỷ trước Sát hỷ sau,
Vận hành tuế vận thời bay xa,

4, Dưới thán Dương Nhận có nắm quyền,
Dương Nhận trọng kiến khắc vợ hiền.
Thiên Quan thủ thân là vinh quý,
Thấy nhiều hình xung khó trong mệnh,
Lại hỷ Chính Ấn thích Chính Quan,
Nếu thấy Tài thán họa liền liền.
Thiên Nguyệt Nhị Đức đến tương trợ,
Cả đời vinh diệu nắm đại quyền.

5, Chính Quan đi chọn tàng trong thán,
Rất sợ hình xung phá hại thương,
Quan Sát hỗn tạp người bản tiện,
Quan vượng thân suy thiếu niên vong,
Giáp Ất sinh Dậu Mão mộc thương.
Không đến Đinh hỏa rất cao cường,
Can thán quá vượng hành Tài vận,
Nhất phẩm đương triều bạn Quân vương.

6, Thất Sát thâm sâu được Thiên Quan,
Thân khinh Sát trọng tất thương tàn,
Chính Ấn hỉ Sát lộ rõ quý,
Thực thần chế Sát mệnh lý toàn,
Hỉ Chính Ấn mà kỵ Chính Quan,
Chế phục thái quá gặp gian nan,
Một Sát một chế nói thân vượng,
Chưa tới bờ sông loại không hiền.

7, Chính Ấn hỉ Quan sợ Tài tinh,
Quan tinh thấu tiết vui mà quý,
Tài đa phá Ấn căn cơ phá,
Sát nhược cùng nhau thể quý sinh,
Lại kỵ tử tuyệt sợ hình xung,
Tháng không xung phá mà rõ quý,
Thiên Nguyệt nhị Đức đến tương trợ,
Cả đời vinh diệu quý vô cùng.

8, Dưới tháng Thiên Tài mệnh lý cường,
Tài vượng thân tướng có điền trang.
Mệnh phạm Tý Ngọ Mão Dậu tiện,
Nếu gặp Thiên Ấn cũng hương hoa,
Lại kỵ Chính Tài, Thực thần cường,
Quan Ấn tương sinh dài phúc lộc,
Anh em thường đi ở bên ngoài,
Chủ ly biệt tha hương mang khốn khổ.

9, Chính Tài hỉ vượng hỉ thân cường,
Gặp nhiều Tỉ kiên vợ chồng hại,
Quan Ấn trợ thân thân có vượng,
Áo bào mang ngọc bạn quân vương,
Quan sầu mộc dục sợ hình thương,
Thất Sát thấy Tài không thể đương,
Tỉ kiên sợ Tài Tài sợ Kiếp,
Tài Quan Ấn thụ sợ Không vong,
Thân vượng Tài vượng có phát phúc,
Thân nhược Tài nhược mà sầu lo.

10, Dưới tháng Thiên Ấn nắm thanh khí,
Sinh ở tháng Thìn Tuất Sửu Mùi,
Tứ trụ không Tài là quan quý,

Thân vượng anh hùng thành phúc lộc,
Quan hiển đạt hiển đường hanh thông,
Tinh linh nói đạo kỳ hình xung.
Tháng không xung phá vô biên phúc,
Trọng đời sấm động đệ nhất thanh.

Già sợ trường sinh trẻ sợ suy,
Trung niên rất sợ thai tử tuyệt,
Kim suy mộc tuyệt thổ sợ dưỡng,
Hỏa sợ tử vận thủy sợ bệnh,
Có người giao cho bước vận này,
Họa hoạn lâm đầu tránh không thoát,
Không phạm khẩu thiệt gặp quan sự,
Không sợ quan sự ám thương tài,
Làm vỡ liên lụy có bất lợi,
Hồ lô đề xuống theo chiều gió,
Nam phạm đón vận nữ sợ giao,
Đón vận giao vận nối tiếp gặp,
Đại vận đến xung nhiều bất thuận,
Mọi việc đều phạm chuyện lằm mòm,
Khẩu thiệt thị phi nói khó tránh.
Tai bệnh từ từ đến lâm thân,
Trước có núi sâu không đường xá,
Thoái lùi vách núi chắc bất an.

Dịch quái âm dương ở biển thông,
Ngũ tài sinh khắc diệu vô cùng,
Người nay phải biện âm dương lý,
Thần Sát hươu tướng định cát hung.

VI. Lục thân phú (*Bát tự dụng đoán lưu niên*)

Xem bệnh tử tế luận đoán trường,
Trước đem Lục Thần định âm dương,
Xung khắc hội hợp có xa gần,

Sinh tử đều ở sào vải điều,
Thiên Tài bị tổn cha chết trước,
Thực thần trọng kiến mẹ sớm vong.
Nam phạm Dương Nhận trước khắc vợ,
Nữ phạm Thương quan sớm xa chồng.
Thương quan kiến Quan theo tai họa.

Cả đời chỉ xem chồng nữ nhi,
Nữ nhân không Sát nhiều phú quý,
Hợp nhiều loạn chồng là dâm đảng.
Cửa đón Sát quỷ nhiều hung ác,
Chính Quan nếu gặp anh em vong,
Đảo Thực (Thiên Ấn) lâm Tý hại nhà vợ (cha mẹ vợ),
Nhật can hợp tháng cha vợ vong,
Giáp Ất Tị Ngọ đi bầu bạn,
Bính Đinh Mậu Kỷ không thành đôi,
Mậu Kỷ Thân Dậu chủ cản chồng,
Canh Tân Hợi Tý thủ phòng không,
Nhâm Quý nếu gặp tháng Dần Mão,
Chủ chồng nhất định thiếu niên vong,
Là so một quyển Lục Thân phú,
Phải nhớ trong tâm cẩn thận suy.

Phép đoán kỳ kết hôn

Muốn biết hôn nhân ở năm nào,
Hồng Loan Thiên Hỉ thích vui vẻ,
Nam dụng Thái Dương nữ Thái Âm,
Xung động chi ngày là năm hôn,
Bản mệnh lưu niên cùng đại vận,
Tam hợp ngẫu tinh phối nguyên tốt,
Lưu Vận Bản gặp Ngẫu tinh vượng,
Lưu niên lại gặp kết lương duyên,
Lưu niên nữ Quan nam kiến Tài,
Đều vượng cũng là năm hôn nhân,
Lưu niên đại vận mệnh cục đủ,

Thiên Hợp địa hợp hỉ sự thêm,
Ngẫu tinh sớm hiện cũng sớm hôn,
Hiện muộn không hiện hôn cũng muộn,
Nếu như nhập khổ chớ dùng gấp,
Hôn nhân tất định ở kỳ xung.

Đoán thời gian cha mất

Tử Kiếp trùng trùng dù khắc cha,
Không thấy Thiên Tài mệnh không ngại,
Tuế Vận nếu gặp Thiên Tài đến,
Cha chết bất ngờ không cứu trợ,
Thiên Tài lâm khổ lại thấy xung,
Tuế Vận thấy khổ cha hết thọ,
Thiên khắc địa xung thấy Thiên Tài,
Đến kỳ cha chết trước thời hạn,
Can năm bị khắc cha chết trước,
Năm Thực tháng Kiêu sớm chôn cha,
Trụ năm nạp âm bị tháng khắc,
Tuế Vận cùng khắc cha tất vong,
Thiên Tài lâm vượng khắc suy thần,
Tuế Vận cực vượng sớm chôn cha.

Đoán thời gian mẹ chết

Tài nhiều không Ấn mẹ không hung,
Tuế Vận phùng Ấn mẹ tất chết,
Thiên Địa chuyển Sát phùng Ấn thụ,
Mệnh mẹ tất nhiên không thọ dài,
Chi năm bị xung mẹ chết sớm,
Năm Ấn tháng Tài tất hại mẹ,
Chính Ấn gặp mộ bị hình xung,
Lại lâm mộ khổ mẹ hết thọ,
Thiên khắc địa xung hại Chính Ấn,
Đến lúc không cứu mẹ tất chôn,
Quan Sát tử tuyệt Tài đặc vượng,

Tuế Vận nếu gặp mẹ tất vong,
Tứ trụ Ấn vượng Tài tinh suy,
Tuế Vận cực vượng mẹ tất chôn.

Đoán có hay không đến tiền đưa cha mẹ

Đến đưa cha mẹ xem xung khắc,
Xung khắc tất định có tiền đưa,
Tương sinh tương hợp không thấy mặt,
Ngũ hành tứ trụ lại nghiệm suy,
Tuy xung xung thần gặp khắc nghịch,
Khả năng cuối cùng không tiền đưa.

Đoán có con hay không?

Tứ trụ Ấn tinh trùng trùng hiện,
Trụ giờ lại gặp kiếm trăm con,
Bát tự khuyết mộc bệnh máu huyết,
Mệnh này án định đoán không con.

Đinh hỏa sinh ở tháng mùa đông,
Tài Quan xiết lẫn nhau trùng điệp,
Trong cục không có một bang phù,
Dấu cho có mộc bị chìm thủy.

Năm giờ thấu ra hai dương thổ,
Khó mà thắng thủy lại hai Quan,
Trên khắc dưới tiết thần thái nhược,
Cả đời cũng không thấy có con.

Chính là mang con mà xem bói,
Không là con nuôi cũng thiên phòng.

Làm sao đoán con cái quý tiện

Ngày giờ có Quý tinh,

Con cái tất định quý,
Trụ giờ có Văn Xương,
Con cái hảo văn chương
Trụ giờ có Kim bảng,
Con cái giữ Trạng Nguyên,
Dụng thần trụ giờ lại đắc vượng,
Con cái từng người đều hiền lương,
Dưới giờ Bại tài kiến Thương quan,
Con cái về sau cũng dựa vào,
Ngày giờ tương xung lúc lạc Không,
Có con cũng bất trung,
Trụ giờ mang hình cùng có hại,
Định là con cái làm bại gia,
Kỵ thần nếu hiện ở trên giờ,
Con cái đầy nhà mà bạc duyên,
Nữ nhân thuần âm đều không Sinh,
Nam nhân thuần dương đều không Trưởng,
Thuần âm thấy nhất dương,
Trong mệnh nhiều con trai,
Thuần dương thấy nhất âm,
Trong mệnh nhiều con cháu,
Thất Sát vượng tướng mệnh nhiều trai,
Ấn tinh vượng tướng nhiều con gái.

(còn nữa)